

B. GRAMMAR

I. THE PRESENT PERFECT VS. THE PRESENT PERFECT CONTINUOUS (THÌ HIỆN TẠI HOÀN THÀNH VS. THÌ HIỆN TẠI HOÀN THÀNH TIẾP DIỄN)

Sự khác biệt giữa hiện tại hoàn thành và hiện tại hoàn thành tiếp diễn:

-Thì hiện tại hoàn thành chú ý đến kết quả của hành động.Trong khi đó, thì hiện tại hoàn thành tiếp diễn nhấn mạnh đến hành động mà có thể chưa kết thúc.

E.g: **I've been decorating** the house this morning. (*nhấn mạnh vào hành động -decorating- hành động chưa kết thúc*)

I've painted the living room blue. (*nhấn mạnh vào kết quả của hành động. Bây giờ chúng ta có thể nhìn thấy được kết quả*)

- Thì hiện tại hoàn thành nói đến hành động hoàn thành được bao nhiêu (how many/ how much); còn thì hiện tại hoàn thành tiếp diễn nói đến hành động xảy ra được bao lâu (how long)

E.g:

She's **been writing** letters for 3 hours.

She's **written** 5 letters.

- Thì hiện tại hoàn thành nói đến hành động mang tính chất lâu dài, còn thì hiện tại hoàn thành tiếp diễn chỉ hành động mang tính tạm thời.

E.g:

I've worked here for ten years.

I usually work in Hanoi but I've **been working** in Ho Chi Minh City for the last 3 weeks.

- Thì hiện tại hoàn thành tiếp diễn thường được dùng với những cụm từ thời gian như "**all day/ week/ year, for hours/ months/ years**", nhưng thường không được dùng với "**ever**" và "**never**"

Lưu ý: Trong một số trường hợp, ta có thể chia động từ ở cả thì hiện tại hoàn thành và hiện tại hoàn thành tiếp diễn tùy thuộc vào ngữ cảnh.

II. REPEATED COMPARATIVES (SO SÁNH LẶP)

So sánh lặp được dùng để miêu tả sự việc đang tăng lên hoặc đang giảm xuống (càng ngày càng/ ngày càng). So sánh lặp được kết nối bởi từ "and".

1. Tính từ/ Trạng từ

a. Tính từ/ Trạng từ ngắn

Form: short adj/ adv + ER AND short adj/ adv + ER

E.g: My English is getting better and better. (*Tiếng Anh của tôi càng ngày càng tốt hơn.*)

b. Tính từ/ Trạng từ dài

Form: MORE AND MORE + long adj/ adv/ LESS AND LESS + long adj/ adv

E.g: Things are getting more and more expensive these days. (*Ngày nay mọi thứ đang ngày càng trở nên đắt đỏ hơn.*)

2. Danh từ

a. Danh từ đếm được số nhiều

Form: MORE AND MORE + N/ FEWER AND FEWER + N

E.g: More and more people use smartphones. *(Ngày càng có nhiều người sử dụng điện thoại thông minh hơn.)*

There are fewer and fewer students in this school. *(Ngày càng có ít học sinh hơn ở trường này.)*

b. Danh từ không đếm được

Form: MORE AND MORE + N/ LESS AND LESS + N

E.g: They have more and more time to do this task. *(Họ càng ngày càng có nhiều thời gian hơn để làm nhiệm vụ này.)*